

Số: **344/2020/QĐST-HNGĐ**

*Tuyên Quang, ngày 04 tháng 11 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 290/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020, giữa:

*\* Nguyên đơn:* Chị Hoàng Phương T, sinh năm: 1990;  
Nghề nghiệp: Công nhân bán xăng dầu;  
Địa chỉ: Tổ 6, phường X, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

*\* Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1987;  
Nghề nghiệp: Nhân viên bảo vệ;  
Địa chỉ: Số nhà 135, tổ 5, phường L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;  
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Phương T và Anh Nguyễn Hoàng N.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2016 cho Chị Hoàng Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục. Anh

Nguyễn Hoàng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Nguyễn Hoàng Y, mức cấp dưỡng: 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng; thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi cháu Nguyễn Hoàng Y đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng: Thực hiện định kỳ hàng tháng. Anh N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

*“Trường hợp bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự”.*

- Về tài sản, đất đai chung; vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Phương T tự nguyện nhận chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000624, ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Thảo số tiền chênh lệch 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Nguyễn Hoàng N phải nộp 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp.Tuyên Quang;
- THADS tp.Tuyên Quang;
- UBND phường L;
- UBND phường X;
- Các đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Lương Thanh Huyền**

